

Số: 1168 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 03 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế;
phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính
trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 269/TTr-STNMT ngày 03/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này (kèm theo Quy trình).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và Quy trình đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng NNTN, CCHC (VLi07/23);
- Lưu: VT. Lai(320).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi



Phụ lục 1

**BẢNG PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ CẢI THIỆN PCI TỈNH CÀ MAU NĂM 2023 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO
(NHÓM THEO CHỈ SỐ THÀNH PHẦN)**

(Kèm theo Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. Bảng tổng quát phân công đơn vị đầu mối, đơn vị chịu trách nhiệm cải thiện 10 Chỉ số thành phần PCI tỉnh Cà Mau năm 2023 và những năm tiếp theo

TT	Chỉ số thành phần	Đơn vị đầu mối	Xếp hạng		Mục tiêu phần đầu xếp hạng 2023	Đơn vị chịu trách nhiệm chính cải thiện
			2021	2022		
1	Tiếp cận đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	21	38	28	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Đào tạo lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	43	60	50	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Tính năng động và tiên phong của Lãnh đạo tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	15	61	51	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan.
4	Cạnh tranh bình đẳng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	26	19	14	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan.
5	Chi phí không chính thức	Thanh tra tỉnh	31	62	32	Thanh tra tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Công an tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh; Cục Quản lý thị trường; Cục Thuế tỉnh, Sở Xây dựng; các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố.
6	Tính minh bạch	Văn phòng UBND tỉnh	26	10	5	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp; Cục Thuế tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan.
7	Thiết chế pháp lý	Tòa án nhân dân tỉnh	42	61	51	Tòa án nhân dân tỉnh; Thanh tra tỉnh; Sở Tư pháp; Cục Thi hành án Dân sự tỉnh; Công an tỉnh.
8	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	Sở Công Thương	40	23	18	Sở Công Thương; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tư pháp; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan.
9	Chi phí gia nhập thị trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư	19	31	26	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Bảo hiểm Xã hội tỉnh, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Cục thuế tỉnh; Trung tâm Giải quyết Thủ tục hành chính tỉnh; Bộ phận một cửa cấp huyện và cấp xã; các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan.
10	Chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước	Văn phòng UBND tỉnh	9	38	28	Sở Nội vụ, Cục Thuế tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm Giải quyết Thủ tục hành chính tỉnh; Bộ phận một cửa cấp huyện và cấp xã.

B. Bảng chi tiết phân công đơn vị đầu mối và đơn vị chịu trách nhiệm cải thiện các chỉ tiêu thuộc 10 Chỉ số PCI tỉnh Cà Mau năm 2023 và những năm tiếp theo

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
1	CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC (Đơn vị đầu mối: Thanh tra tỉnh)	7,09 (31/63)	>		6,07 (62/63)	<		
1	% DN cho rằng các DN cùng ngành thường trả thêm chi phí không chính thức (% đồng ý)	41%	=	Tích cực	45%	>	Tiêu cực	
2	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	87%	=	Tích cực	84%	<	Tiêu cực	
3	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	6%	>	Tiêu cực	10%	>	Tiêu cực	
4	Những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	42%	<	Tích cực	65%	<	Tích cực	
5	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (%thường xuyên hoặc luôn luôn)	48%	<	Tiêu cực	51%	<	Tiêu cực	
6	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra(%)	19%	<	Tích cực	16%	>	Tiêu cực	
7	Tỷ lệ DN chỉ trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)	40%	>	Tiêu cực	56%	>	Tiêu cực	
8	Chi trả " hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	21%	<	Tích cực	46%	>	Tiêu cực	
9	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	17%	<	Tích cực	31%	>	Tiêu cực	
10	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%)	35%	>	Tiêu cực	12%	>	Tiêu cực	
11	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	47%	<	Tích cực	9%	<	Tích cực	
12	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra phòng cháy, chữa cháy (%)	31%	>	Tiêu cực	46%	>	Tiêu cực	
13	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	22%	<	Tích cực	14%	<	Tích cực	
14	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%)	59%	>	Tiêu cực	57%	>	Tiêu cực	
15	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế	28%	<	Tích cực	45%	>	Tiêu cực	
16	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng	63%	<	Tích cực	75%	<	Tích cực	



	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	
II	TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI (Đơn vị đầu mỗi: Số Tài nguyên và Môi trường)	7,28 (21/63)	>		6,79 (38/63)	<		
1	Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% đồng ý).	84%	>	Tích cực	65%	<	Tiêu cực	
2	% DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục.	29%	>	Tích cực	80%	=	Tích cực	
3	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ những nhiễu (%)	8%	<	Tích cực	15%	<	Tích cực	
4	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất thấp đến 5: rất cao)	1,78	>	Tiêu cực	1,68	<	Tích cực	
5	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (%)	20%	<	Tiêu cực	30%	>	Tích cực	
6	DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	57%	>	Tích cực	46%	<	Tiêu cực	
7	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	15	<	Tích cực	11	<	Tích cực	
8	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng (%)	42%	>	Tiêu cực	32%	>	Tiêu cực	
9	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	15%	=	Tích cực	11%	<	Tích cực	
10	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	27%	>	Tiêu cực	32%	>	Tiêu cực	
11	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)	50%	<	Tích cực	67%	>	Tiêu cực	
12	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)	10%	<	Tích cực	33%	>	Tiêu cực	
13	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%)	10%	<	Tích cực	67%	>	Tiêu cực	
14	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai	31%	<	Tích cực	25%	<	Tích cực	

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	
III	ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG (Đơn vị đầu mối: Sở Lao động Thương binh và Xã hội)	5,44 (43/63)	<		4,25 (60/63)	<		
1	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	71%	>	Tích cực	63%	>	Tích cực	
2	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	48%	<	Tiêu cực	47%	<	Tiêu cực	
3	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%)	53%	<	Tiêu cực	33%	<	Tiêu cực	
4	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động.	1,68	>	Tiêu cực	7,16	>	Tiêu cực	
5	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động % (BLĐT/BXH)	13,02%	<	Tiêu cực	14,08	<	Tiêu cực	
6	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh	6,44	>	Tiêu cực	10,89%	>	Tiêu cực	
7	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	77%	>	Tích cực	55%	<	Tiêu cực	
8	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	42%	>	Tích cực	38%	>	Tích cực	
9	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	38%	>	Tích cực	32%	>	Tích cực	
10	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	52,81	<	Tiêu cực	38,89%	<	Tiêu cực	
11	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDT)	5,96	<	Tiêu cực	6,17	<	Tiêu cực	



Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	
IV THIẾT CHẾ PHÁP LÝ VÀ AN NINH TRẬT TỰ (Đơn vị đầu mối: Tòa án nhân dân tỉnh)	6,98 (42/63)	<		6,72 (61/63)	<		
1 Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc luôn luôn)	46%	>	Tích cực	42%	<	Tiêu cực	
2 Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	47%	<	Tiêu cực	55%	<	Tiêu cực	
3 Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng (% đồng ý)	84%	=	Tích cực	73%	<	Tiêu cực	
4 Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (TATC)	61%	<	Tiêu cực	88%	>	Tích cực	
5 Doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý/ Hoàn toàn đồng ý)	87%	<	Tiêu cực	92%	=	Tích cực	
6 Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	92%	<	Tiêu cực	92%	>	Tích cực	
7 Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	86%	>	Tích cực	75%	<	Tiêu cực	
8 Phán quyết của tòa án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý).	89%	<	Tiêu cực	88%	<	Tiêu cực	
9 Doanh nghiệp sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp (%)	58%	<	Tiêu cực	40%	<	Tiêu cực	
10 Tỷ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh không thuộc nhà nước trên tổng nguyên đơn tại Tòa án kinh tế cấp tỉnh	94%	>	Tích cực	92%		Tích cực	
11 Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp. (TATC)	1,43	>	Tiêu cực	2,17	>	Tiêu cực	
12 Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	81%	<	Tiêu cực	73%	<	Tiêu cực	
13 Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	0%	<	Tích cực	0%	<	Tích cực	
14 Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	82%	>	Tích cực	81%	>	Tích cực	
15 Tỷ lệ DN bị mất trộm tài sản hoặc đột nhập năm qua (%)	12%	>	Tiêu cực	7%	>	Tiêu cực	
16 Cơ quan công an sơ tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	54%	<	Tiêu cực	77%	<	Tiêu cực	
17 Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	80%	=	Tích cực	46%	<	Tiêu cực	
18 Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	63%	<	Tiêu cực	41%	<	Tiêu cực	

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	
V	TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH (Đơn vị đầu mối: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)	7,2 (15/63)	>		6,08 (61/63)	<		
1	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% Đồng ý)	89%	>	Tích cực	84%	<	Tiêu cực	
2	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	84%	>	Tích cực	75%	<	Tiêu cực	
3	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	64%	>	Tích cực	48%	<	Tiêu cực	
4	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “tri hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” hoặc “không làm gì” (% lựa chọn)	33%	>	Tiêu cực	33%	>	Tiêu cực	
5	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý) - Điều chỉnh năm 2021	29%	<	Tích cực	56%	>	Tiêu cực	
6	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý)	33%	>	Tiêu cực	48%	>	Tiêu cực	
7	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	85%	>	Tích cực	54%	<	Tiêu cực	
8	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý)	47%	<	Tiêu cực	56%	>	Tích cực	
9	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình	70%	<	Tiêu cực	76%	<	Tiêu cực	



ST	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
VI	GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG (Đơn vị đầu mối: Sở Kế hoạch và Đầu tư)	7,16 (19/63)	>		6,97 (31/63)	>		
1	Thời gian đăng ký doanh nghiệp (ngày)	5	<	Tích cực	7	=	Tích cực	
2	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (ngày)	3	<	Tích cực	6	<	Tích cực	
3	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	65%	>	Tích cực	45%	<	Tiêu cực	
4	Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý)	79%	>	Tích cực	63%	<	Tiêu cực	
5	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý)	62%	>	Tích cực	77%	>	Tích cực	
6	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% đồng ý)	71%	>	Tích cực	87%	<	Tiêu cực	
7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% đồng ý)	47%	>	Tích cực	57%	<	Tiêu cực	
8	% DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	7%	<	Tích cực	3%	<	Tích cực	
9	% DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	3%	>	Tiêu cực	0%	<	Tích cực	
10	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên	14%	<	Tích cực	3%	<	Tích cực	
11	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý)	57%	<	Tiêu cực	33%	<	Tiêu cực	

12	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	63%	>	Tích cực	30%	>	Tích cực	
13	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)	34%	<	Tiêu cực	31%	>	Tích cực	
14	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý)	60%	>	Tích cực	31%	>	Tích cực	
15	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý)	51%	>	Tích cực	30%	>	Tích cực	
16	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý)	57%	>	Tích cực	31%	>	Tích cực	
17	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)	10%	>	Tiêu cực	0%	<	Tích cực	
18	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%)	15%	>	Tiêu cực	0%	<	Tích cực	
19	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	21%	<	Tích cực	9%	<	Tích cực	



TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biên	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biên	
VII	CHI PHÍ THỜI GIAN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA NHÀ NƯỚC (Đơn vị đầu mối: Văn phòng UBND tỉnh)	8,28 (9/63)	>		7,09 (38/63)	<		
1	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	78%	>	Tích cực	80%	<	Tiêu cực	
2	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	84%	>	Tích cực	77%	<	Tiêu cực	
3	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	24%	<	Tích cực	24%	>	Tiêu cực	
4	Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	96%	>	Tích cực	90%	<	Tiêu cực	
5	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (%)	91%	>	Tích cực	88%	>	Tích cực	
6	Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	88%	>	Tích cực	84%	<	Tiêu cực	
7	Các cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	91%	>	Tích cực	88%	<	Tiêu cực	
8	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	8	>	Tiêu cực	7	<	Tích cực	
9	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	8%	<	Tích cực	9%	>	Tiêu cực	
10	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp (%)	11%	<	Tích cực	26%	>	Tiêu cực	
11	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm	10%	=	Tích cực	5%	<	Tích cực	
12	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý)	63%	>	Tích cực	62%	<	Tiêu cực	
13	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý)	62%	>	Tích cực	62%	<	Tiêu cực	
14	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý)	63%	>	Tích cực	67%	>	Tích cực	

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	
VIII	CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP (Đơn vị đầu mối: Sở Công Thương)	6,46 (40/63)	<		5,94 (23/63)	>		
1	Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số DN cung cấp dịch vụ (%)	63%	<	Tiêu cực	98%	>	Tích cực	
2	Tỉ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	0,98%	>	Tích cực	1,38%	=	Tích cực	
3	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV dễ thực hiện (%)	92%	>	Tích cực	50%	<	Tiêu cực	
4	Thủ tục dễ được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp dễ thực hiện (%)	79%	<	Tiêu cực	75%	>	Tích cực	
5	Thủ tục dễ được giảm giá thuế mặt bằng tại khu/cụm CN là dễ thực hiện (%)	84%	<	Tiêu cực	80%	>	Tích cực	
6	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện	60%	<	Tiêu cực	66%	<	Tiêu cực	
7	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN dễ thực hiện (%)	74%	<	Tiêu cực	72%	<	Tiêu cực	
8	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp dễ thực hiện (%)	64%	<	Tiêu cực	84%	>	Tích cực	
9	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động dễ thực hiện (%)	81%	<	Tiêu cực	81%	>	Tích cực	
10	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng)	30%	>	Tích cực	27%	<	Tiêu cực	
11	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%)	73%	>	Tích cực	52%	<	Tiêu cực	
12	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs	19%	<	Tiêu cực	27%	>	Tích cực	
13	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục dễ hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%)	91%	>	Tích cực	15%	=	Tích cực	



STT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	
IX	TỈNH MINH BẠCH (Đơn vị đầu mối: Văn phòng UBND tỉnh)	6,17 (26/63)	>		6,4 (10/63)	>		
1	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	46%	>	Tích cực	39%	>	Tích cực	
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1: không thể; 5: rất dễ)	3,1	>	Tích cực	3,21	>	Tích cực	
3	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1: không thể; 5: rất dễ)	2,66	<	Tiêu cực	3,03	<	Tiêu cực	
4	Chất lượng website của tỉnh	33,15	<	Tiêu cực	48,1	<	Tiêu cực	
5	% DN truy cập vào website của UBND	66%	>	Tích cực	61%	>	Tích cực	
6	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	61%	=	Tích cực	57%	<	Tiêu cực	
7	HHDN có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh	67%	>	Tích cực	56%	<	Tiêu cực	
8	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	32%	<	Tích cực	53%	<	Tích cực	
9	Minh bạch trong đấu thầu (%)	74%	<	Tiêu cực	69%	>	Tích cực	
10	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	73%	<	Tiêu cực	80%	>	Tích cực	
11	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (trung vị)	3	=	Tích cực	5	=	Tích cực	
12	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	45%	>	Tích cực	43%	>	Tích cực	
13	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)	68%	=	Tích cực	66%	>	Tích cực	
14	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	51%	>	Tích cực	31%	<	Tiêu cực	
15	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	58%	<	Tiêu cực	49%	>	Tích cực	
16	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý)	23%	<	Tích cực	46%	>	Tiêu cực	
17	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể)	41%	>	Tích cực	35%	>	Tích cực	

TT	Nội dung chỉ số thành phần	Năm 2021			Năm 2022			Ghi chú
		Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với điểm trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	
X	CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG (Đơn vị đầu mối: Sở Kế hoạch và Đầu tư)	6,12 (26/63)	>		6,49 (19/63)	>		
1	Việc tinh ưu ái cho DN Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của bạn” (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	33%	<	Tích cực	50%	<	Tích cực	
2	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh” (% Đồng ý)	47%	<	Tích cực	88%	>	Tiêu cực	
3	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý)	81%	>	Tích cực	67%	<	Tiêu cực	
4	Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	45%	<	Tích cực	46%	<	Tích cực	
5	Tinh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	41%	>	Tiêu cực	32%	>	Tiêu cực	
6	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	35%	>	Tiêu cực	30%	<	Tích cực	
7	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	25%	>	Tiêu cực	33%	=	Tích cực	
8	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	19%	>	Tiêu cực	22%	>	Tiêu cực	
9	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	10%	=	Tích cực	0%	<	Tích cực	
10	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	24%	>	Tiêu cực	15%	<	Tích cực	
11	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	23%	>	Tiêu cực	26%	<	Tích cực	



Phụ lục 2

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CẢI THIỆN CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI TỈNH CÀ MAU NĂM 2023 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO (NHÓM THEO ĐƠN VỊ)

(Kèm theo Kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. BẢNG TỔNG QUÁT PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ CẢI THIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO NĂM 2023 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

TT	Đơn vị chịu trách nhiệm chính	Kết quả thực hiện năm 2022		Mục tiêu năm 2023		Số chỉ tiêu phân công cải thiện năm 2023
		Chỉ tiêu chuyên biến tích cực	Chỉ tiêu chuyên biến tiêu cực	Chỉ tiêu chuyên biến tích cực	Chỉ tiêu chuyên biến tiêu cực	
1	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan	13	8	17	4	21
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	10	8	14	4	18
3	Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh; Bộ phận 1 cửa cấp huyện và cấp xã	8	8	12	4	16
4	Văn phòng UBND tỉnh	5	8	9	4	13
5	Tòa án nhân dân tỉnh	4	7	7	4	11
6	Thanh tra tỉnh	2	9	7	4	11
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3	7	6	4	10
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5	4	7	2	9
9	Sở Công Thương	5	3	6	2	8
10	Sở Tư pháp	3	2	4	1	5
11	Công an tỉnh	2	3	3	2	5
12	Cục Thuế tỉnh	3	2	4	1	5
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	1	2	0	2
14	Sở Nội vụ	0	2	1	1	2
15	Cục Quản lý thị trường	0	1	1	0	1
16	Quỹ Đầu tư phát triển	0	1	1	0	1
17	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	0	1	1	0	1
18	Sở Xây dựng	1	0	1	0	1
19	UBND các huyện, thành phố	0	1	1	0	1
20	Các Hiệp hội, Hội doanh nghiệp	0	1	1	0	1
Tổng chỉ tiêu		65	77	105	37	142

II. BẢNG CHI TIẾT PHÂN CÔNG CÁC ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM CẢI THIỆN CÁC CHỈ TIÊU THUỘC CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI TỈNH CÀ MAU NĂM 2023 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO

1. Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố (21 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Tính năng động							
1	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý)	33%	>	Tiêu cực	48%	>	Tiêu cực
2	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	85%	>	Tích cực	54%	<	Tiêu cực
3	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý)	47%	<	Tiêu cực	56%	>	Tích cực
4	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình	70%	<	Tiêu cực	76%	<	Tiêu cực
5	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	64%	>	Tích cực	48%	<	Tiêu cực
Cạnh tranh bình đẳng							
6	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	25%	>	Tiêu cực	33%	=	Tích cực
7	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	19%	>	Tiêu cực	22%	>	Tiêu cực
8	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	10%	=	Tích cực	0%	<	Tích cực



	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	24%	>	Tiêu cực	15%	<	Tích cực
	Mức tình ưu ái cho DN Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp của bạn" (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	33%	<	Tích cực	50%	<	Tích cực
11	"Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh" (% Đồng ý)	47%	<	Tích cực	88%	>	Tiêu cực
12	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý)	81%	>	Tích cực	67%	<	Tiêu cực
Chi phí không chính thức							
13	Chi trả " hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	21%	<	Tích cực	46%	>	Tiêu cực
14	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	47%	<	Tích cực	9%	<	Tích cực
Tính minh bạch							
15	Minh bạch trong đấu thầu (%)	74%	<	Tiêu cực	69%	>	Tích cực
16	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	73%	<	Tiêu cực	80%	>	Tích cực
17	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (trung vị)	3	=	Tích cực	5	=	Tích cực
Gia nhập thị trường							
18	% DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	7%	<	Tích cực	3%	<	Tích cực
19	% DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để bắt đầu hoạt động	3%	>	Tiêu cực	0%	<	Tích cực
20	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	63%	>	Tích cực	30%	>	Tích cực
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp							
21	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp để thực hiện (%)	79%	<	Tiêu cực	75%	>	Tích cực

2. Sở Tài nguyên và Môi trường (18 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Cạnh tranh bình đẳng							
1	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	35%	>	Tiêu cực	30%	<	Tích cực
Tiếp cận đất đai							
2	Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% đồng ý).	84%	>	Tích cực	65%	<	Tiêu cực
3	% DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục.	29%	>	Tích cực	80%	=	Tích cực
4	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/lo ngại cán bộ những nhiều (%)	8%	<	Tích cực	15%	<	Tích cực
5	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất thấp đến 5: rất cao)	1,78	>	Tiêu cực	1,68	<	Tích cực
6	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	20%	<	Tiêu cực	30%	>	Tích cực
7	DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	57%	>	Tích cực	46%	<	Tiêu cực
8	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	15	<	Tích cực	11	<	Tích cực
9	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng(%)	42%	>	Tiêu cực	32%	>	Tiêu cực
10	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	15%	=	Tích cực	11%	<	Tích cực
11	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch(%)	27%	>	Tiêu cực	32%	>	Tiêu cực
12	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)	50%	<	Tích cực	67%	>	Tiêu cực
13	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)	10%	<	Tích cực	33%	>	Tiêu cực
14	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%)	10%	<	Tích cực	67%	>	Tiêu cực
15	Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai	31%	<	Tích cực	25%	<	Tích cực
Chi phí không chính thức							
16	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)	40%	>	Tiêu cực	56%	>	Tiêu cực
17	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	22%	<	Tích cực	14%	<	Tích cực
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp							
18	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là dễ thực hiện (%)	84%	<	Tiêu cực	80%	>	Tích cực



3. Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh; Bộ phận 1 cửa cấp huyện và cấp xã (16 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Gia nhập thị trường							
1	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)	34%	<	Tiêu cực	31%	>	Tích cực
2	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý)	60%	>	Tích cực	31%	>	Tích cực
3	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý)	51%	>	Tích cực	30%	>	Tích cực
4	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý)	57%	>	Tích cực	31%	>	Tích cực
5	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	21%	<	Tích cực	9%	<	Tích cực
6	Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng và đầy đủ (% đồng ý)	79%	>	Tích cực	63%	<	Tiêu cực
7	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% đồng ý)	62%	>	Tích cực	77%	>	Tích cực
8	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% đồng ý)	71%	>	Tích cực	87%	<	Tiêu cực
9	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% đồng ý)	47%	>	Tích cực	57%	<	Tiêu cực
Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước							
10	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	78%	>	Tích cực	80%	<	Tiêu cực
11	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	91%	>	Tích cực	88%	>	Tích cực
12	Tỷ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước (%)	24%	<	Tích cực	24%	>	Tiêu cực
13	Phí, lệ phí được công khai (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	96%	>	Tích cực	90%	<	Tiêu cực
14	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý)	63%	>	Tích cực	62%	<	Tiêu cực
15	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý)	62%	>	Tích cực	62%	<	Tiêu cực
16	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý)	63%	>	Tích cực	67%	>	Tích cực

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (13 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Tính năng động							
1	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (% Đồng ý)	89%	>	Tích cực	84%	<	Tiêu cực
2	UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	84%	>	Tích cực	75%	<	Tiêu cực
3	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” hoặc “không làm gì” (% lựa chọn)	64%	>	Tích cực	48%	<	Tiêu cực
Cạnh tranh bình đẳng							
4	Tỉnh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	45%	<	Tích cực	46%	<	Tích cực
5	Tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	41%	>	Tiêu cực	32%	>	Tiêu cực
Tính minh bạch							
6	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1: không thể; 5: rất dễ)	2,66	<	Tiêu cực	3,03	<	Tiêu cực
7	Chất lượng website của tỉnh	33,15	<	Tiêu cực	48,1	<	Tiêu cực
8	% DN truy cập vào website của UBND tỉnh	66%	>	Tích cực	61%	>	Tích cực
9	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% quan trọng hoặc rất quan trọng)	61%	=	Tích cực	57%	<	Tiêu cực
10	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)	68%	=	Tích cực	66%	>	Tích cực
11	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	51%	>	Tích cực	31%	<	Tiêu cực
12	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	58%	<	Tiêu cực	49%	>	Tích cực
13	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	45%	>	Tích cực	43%	>	Tích cực



5. Tòa án nhân dân tỉnh (11 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao		2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự							
1	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (TATC)	61%	<	Tiêu cực	88%	>	Tích cực
2	Doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý/ Hoàn toàn đồng ý)	87%	<	Tiêu cực	92%	=	Tích cực
3	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	92%	<	Tiêu cực	92%	>	Tích cực
4	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	86%	>	Tích cực	75%	<	Tiêu cực
5	Phán quyết của tòa án là công bằng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý).	89%	<	Tiêu cực	88%	<	Tiêu cực
6	Doanh nghiệp sử dụng tòa án để giải quyết tranh chấp (%)	58%	<	Tiêu cực	40%	<	Tiêu cực
7	Tỉ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh không thuộc nhà nước trên tổng nguyên đơn tại Tòa án kinh tế cấp tỉnh	94%	>	Tích cực	92%		Tích cực
8	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp. (TATC)	1,43	>	Tiêu cực	2.17	>	Tiêu cực
9	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	80%	=	Tích cực	46%	<	Tiêu cực
10	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	63%	<	Tiêu cực	41%	<	Tiêu cực
Chi phí không chính thức							
11	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	17%	<	Tích cực	31%	>	Tiêu cực

6. Thanh tra tỉnh (11 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn
Chi phí không chính thức							
1	% DN cho rằng các DN cùng ngành thường trả chi phí không chính thức (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	41%	=	Tích cực	45%	>	Tích cực
2	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	87%	=	Tích cực	84%	<	Tích cực
3	% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	6%	>	Tích cực	10%	>	Tích cực
4	Những nhiều khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý hoặc Hoàn toàn đồng ý)	42%	<	Tích cực	65%	<	Tích cực
5	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức (%thường xuyên hoặc luôn luôn)	48%	<	Tích cực	51%	<	Tích cực
6	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	19%	<	Tích cực	16%	>	Tích cực
Thiết chế pháp lý							
7	Hệ thống tư pháp cho phép các doanh nghiệp tố cáo hành vi sai phạm của cán bộ (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	46%	>	Tích cực	42%	<	Tích cực
8	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	47%	<	Tích cực	55%	<	Tích cực
Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước							
9	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	8%	<	Tích cực	9%	>	Tích cực
10	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ những nhiều doanh nghiệp (%)	11%	<	Tích cực	26%	>	Tích cực
11	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm	10%	=	Tích cực	5%	<	Tích cực



Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (10 chỉ tiêu)

Nhóm chỉ tiêu được giao		2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên môn
Đào tạo lao động							
1	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	48%	<	Tiêu cực	47%	<	Tiêu cực
2	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%)	53%	<	Tiêu cực	33%	<	Tiêu cực
3	% tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động.	1,68	>	Tiêu cực	7,16	>	Tiêu cực
4	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động % (BLĐTBOXH)	13,02%	<	Tiêu cực	14,08	<	Tiêu cực
5	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh	6,44	>	Tiêu cực	10,89%	>	Tiêu cực
6	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	77%	>	Tích cực	55%	<	Tiêu cực
7	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	42%	>	Tích cực	38%	>	Tích cực
8	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	38%	>	Tích cực	32%	>	Tích cực
9	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	52,81	<	Tiêu cực	38,89%	<	Tiêu cực
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp							
10	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực hiện (%)	81%	<	Tiêu cực	81%	>	Tích cực

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư (9 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Chi phí không chính thức							
1	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN /sửa đổi ĐKDN (%)	35%	>	Tiêu cực	12%	>	Tiêu cực
Gia nhập thị trường							
2	Thời gian đăng ký doanh nghiệp (ngày)	5	<	Tích cực	7	=	Tích cực
3	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (ngày)	3	<	Tích cực	6	<	Tích cực
4	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	65%	>	Tích cực	45%	<	Tiêu cực
5	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)	10%	>	Tiêu cực	0%	<	Tích cực
6	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%)	15%	>	Tiêu cực	0%	<	Tích cực
7	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên	14%	<	Tích cực	3%	<	Tích cực
8	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý)	57%	<	Tiêu cực	33%	<	Tiêu cực
Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước							
9	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	84%	>	Tích cực	77%	<	Tiêu cực



9. Sơ Công Thương (8 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyển biến
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp							
1	Tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số DN cung cấp dịch vụ (%)	63%	<	Tiêu cực	98%	>	Tích cực
2	Tỉ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên tổng số DN (%)	0,98%	>	Tích cực	1,38%	=	Tích cực
3	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	74%	<	Tiêu cực	72%	<	Tiêu cực
4	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng)	30%	>	Tích cực	27%	<	Tiêu cực
5	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%)	73%	>	Tích cực	52%	<	Tiêu cực
6	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs	19%	<	Tiêu cực	27%	>	Tích cực
7	Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi (%)	91%	>	Tích cực	15%	=	Tích cực
8	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để thực hiện (%)	64%	<	Tiêu cực	84%	>	Tích cực

10. Số Tư Pháp (5 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Tính minh bạch							
1	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	46%	>	Tích cực	39%	>	Tích cực
2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1: không thể; 5: rất dễ)	3,1	>	Tích cực	3,21	>	Tích cực
3	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể)	41%	>	Tích cực	35%	>	Tích cực
Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự							
4	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp nhanh chóng (% đồng ý)	84%	=	Tích cực	73%	<	Tiêu cực
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp							
5	Thủ tục dễ được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện	60%	<	Tiêu cực	66%	<	Tiêu cực

11. Công an tỉnh (5 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự							
1	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	0%	<	Tích cực	0%	<	Tích cực
2	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt (%)	82%	>	Tích cực	81%	>	Tích cực
3	Tỷ lệ DN bị mất trộm tài sản hoặc đột nhập năm qua (%)	12%	>	Tiêu cực	7%	>	Tiêu cực
4	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	54%	<	Tiêu cực	77%	<	Tiêu cực
Chi phí không chính thức							
5	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra tra phòng cháy, chữa cháy (%)	31%	>	Tiêu cực	46%	>	Tiêu cực



12. Cục Thuế tỉnh (5 chỉ tiêu)

	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Tính minh bạch							
1	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	32%	<	Tích cực	53%	<	Tích cực
2	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý)	23%	<	Tích cực	46%	>	Tiêu cực
Chi phí thời gian thực hiện các quy định nhà nước							
3	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	8	>	Tiêu cực	7	<	Tích cực
Cạnh tranh bình đẳng							
4	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	23%	>	Tiêu cực	26%	<	Tích cực
Chi phí không chính thức							
5	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế	28%	<	Tích cực	45%	>	Tiêu cực

13. Sở Giáo dục và đào tạo (2 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Đào tạo lao động							
1	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông (% Tốt hoặc Rất tốt)	71%	>	Tích cực	63%	>	Tích cực
2	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDDT)	5,96	<	Tiêu cực	6,17	<	Tiêu cực

14. Sở Nội vụ (2 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Chi phí thời gian thực hiện các quy định của nhà nước							
1	Cán bộ nhà nước thân thiện (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	88%	>	Tích cực	84%	<	Tiêu cực
2	Các cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý)	91%	>	Tích cực	88%	<	Tiêu cực

15. Cục Quản lý thị trường (1 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Chi phí không chính thức							
1	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%)	59%	>	Tiêu cực	57%	>	Tiêu cực

16. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau (1 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp							
1	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV dễ thực hiện (%)	92%	>	Tích cực	50%	<	Tiêu cực



17. Cục Thi hành án dân sự tỉnh (1 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự							
1	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý)	81%	<	Tiêu cực	73%	<	Tiêu cực

18. Sở Xây dựng (1 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Chi phí không chính thức							
1	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng	63%	<	Tích cực	75%	<	Tích cực

19. UBND các huyện, thành phố (1 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Tính năng động của chính quyền tỉnh							
1	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý)	29%	<	Tích cực	56%	>	Tiêu cực

20. Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ (1 chỉ tiêu)

TT	Nhóm chỉ tiêu được giao	2021			2022		
		Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến	Điểm số (Xếp hạng)	So với trung bình cả nước	Đánh giá chuyên biến
Tính minh bạch							
1	HHDN có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh	67%	>	Tích cực	56%	<	Tiêu cực